

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ HST VIỆT NAM
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ HST VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: HST VIET NAM TECHNOLOGY JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: HST VIET NAM TECHNOLOGY .,JSC

2. Mã số doanh nghiệp: 0108689716

3. Ngày thành lập: 08/04/2019

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số nhà 34, Quốc lộ 2, phố Chợ , Xã Phù Lỗ, Huyện Sóc Sơn, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329(Chính)
2.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến; xi măng; gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi; kính xây dựng; sơn, vécni; gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh; đồ ngũ kim; vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
3.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng Chi tiết: Hoạt động trang trí nội thất.	7410
4.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
5.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
6.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
7.	Xây dựng nhà để ở	4101
8.	Xây dựng nhà không để ở	4102
9.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
10.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
11.	Xây dựng công trình thủy	4291
12.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
13.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
14.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
15.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
16.	Xây dựng công trình điện	4221
17.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222

18.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
19.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
20.	Phá dỡ	4311
21.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
22.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
23.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
24.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753
25.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
26.	Vệ sinh chung nhà cửa	8121
27.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác; Bán buôn dược phẩm và dụng cụ y tế; Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh; Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh; Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện; Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự; Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm; Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao	4649
28.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
29.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
30.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	3100
31.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh;	8299
32.	Sửa chữa thiết bị, đồ dùng gia đình	9522
33.	Sửa chữa thiết bị nghe nhìn điện tử gia dụng	9521
34.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621
35.	Sửa chữa giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự	9524
36.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
37.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
38.	Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện	2710
39.	Sản xuất đồ điện dân dụng	2750
40.	Sản xuất các thiết bị nâng, hạ và bốc xếp	2816
41.	Sản xuất máy thông dụng khác	2819
42.	Sản xuất máy khai thác mỏ và xây dựng	2824
43.	Sản xuất máy chuyên dụng khác	2829
44.	Sản xuất linh kiện điện tử	2610

45.	Sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển	2651
46.	Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng	2740
47.	Sản xuất thiết bị điện khác	2790
48.	Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính)	2817
49.	Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng	2640
50.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
51.	Sản xuất thiết bị truyền thông	2630
52.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
53.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
54.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
55.	Bán buôn tổng hợp	4690
56.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
57.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742
58.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
59.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
60.	Dịch vụ ăn uống khác	5629
61.	Sửa chữa thiết bị khác	3319
62.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
63.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313
64.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
65.	Vận tải hành khách đường bộ khác	4932
66.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
67.	Cho thuê xe có động cơ	7710
68.	Điều hành tua du lịch	7912
69.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: Đại lý bán hàng hóa	4610
70.	Lập trình máy vi tính	6201
71.	Đại lý du lịch	7911
72.	Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan	6311
73.	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	6202
74.	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính	6209

6. Vốn điều lệ: 3.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán:

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	LÊ ANH SÁNG	Tổ dân phố Đồng Quỳnh 2, Phường Đồng Xuân, Thành phố Phúc Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	15.000	150.000.000	5,000	001088022619	
			Tổng số	15.000	150.000.000	5,000		
2	NGUYỄN THỊ THU HIỀN	Thôn Xuân Đức, Xã Nghi Đức, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	15.000	150.000.000	5,000	187048883	
			Tổng số	15.000	150.000.000	5,000		
3	CHU VĂN HOÀNG	Xóm 10, Xã Diễn Thái, Huyện Diễn Châu, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	270.000	2.700.000.000	90,000	186277314	
			Tổng số	270.000	2.700.000.000	90,000		

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	--------------	------------	---	-----------	---	---------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: LÊ ANH SÁNG

Giới tính: *Nam*

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: *20/04/1988*

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: *001088022619*

Ngày cấp: *18/05/2018*

Nơi cấp: *Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Tổ dân phố Đồng Quỳ 2, Phường Đồng Xuân, Thành phố Phúc Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Tổ dân phố Đồng Quỳ 2, Phường Đồng Xuân, Thành phố Phúc Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc, Việt Nam*

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội